

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		51.734.531.718	47.266.515.115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		43.440.000	40.505.777
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	51.691.091.718	47.226.009.338
4. Giá vốn hàng bán	11	22	49.002.669.701	45.882.108.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.688.422.017	1.343.900.897
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	53.880.531	19.463.244
7. Chi phí tài chính	22	26	624.965.097	88.873.986
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		624.965.097	88.873.986
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.963.657.610	1.484.797.176
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		153.679.841	(210.307.021)
10. Thu nhập khác	31		23.452.378	12.553.307
11. Chi phí khác	32		169.026.288	1.138.329.328
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(145.573.910)	(1.125.776.021)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.105.931	(1.336.083.042)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.105.931	(1.336.083.042)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		6	(1.161)

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2017

Lê Thị Thu Loan
Kế toán trưởngHoàng Thị Thái Thanh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	01	8.105.931	(1.336.083.042)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	994.882.029	1.018.060.084
- Các khoản dự phòng	03	483.580.014	269.811.465
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.880.531)	(19.463.244)
- Chi phí lãi vay	06	624.965.097	88.873.986
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.057.652.540	21.199.249
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	5.838.813.569	(1.399.565.566)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(1.471.261.456)	3.090.506.662
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.967.477.591)	(3.624.835.109)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.609.556.553	(814.544.668)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(534.675.197)	(88.873.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.461.814)	(18.828.129)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	172.374.375
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.419.091.896)	(1.380.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.072.054.708	(2.663.947.468)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(27.401.000)	(383.272.874)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	118.935.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.880.531	19.463.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26.479.531	(244.874.630)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.157.524.851	3.628.624.412
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.828.624.412)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	328.900.439	3.628.624.412
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.427.434.678	719.802.314
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.123.897.235	2.404.094.921
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.551.331.913	3.123.897.235

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

Lê Thị Thu Loan
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái Thanh
Người lập biểu